

Số: 2480/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển sau đại học đặc thù ngành y tế đợt 2 năm 2025 của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐTTĐHYD ngày 14/3/2025 của Hội đồng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ đề án đăng kí chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học năm 2025 của Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông báo số 984/ĐHYD-ĐTKHCN ngày 21/8/2025 về việc Tuyển sinh chuyên khoa I đợt 2 năm 2025 của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo kết quả thi tuyển sinh đợt 2 năm 2025 và Biên bản họp xét công nhận trúng tuyển của Hội đồng tuyển sinh Sau đại học ngày 29/12/2025 của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo, Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thí sinh trúng tuyển sau đại học đặc thù ngành y tế đợt 2 năm 2025 bao gồm: 313 (Ba trăm mười ba) học viên Chuyên khoa I của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên.

(Danh sách trúng tuyển đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Thí sinh trúng tuyển phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi học tập, nghiên cứu theo quy chế đào tạo trình độ Chuyên khoa I hiện hành của Bộ Y tế, quy định đào tạo trình độ Chuyên khoa I của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên trong thời gian học tập.

Điều 3. Trường Phòng Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *Quản*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTKHCN, MC.



HIỆU TRƯỞNG

lil
GS.TS Nguyễn Tiến Dũng

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN SAU ĐẠI HỌC
ĐẶC THÙ NGÀNH Y TẾ ĐỢT 2 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 2480 /QĐ-ĐHYD ngày 29/12/2025 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Y - Dược)

TT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
1	1	Lã Văn	Dân	02/10/1996	Chẩn đoán hình ảnh	
2	2	Triệu Xuân	Đề	28/07/1990	Chẩn đoán hình ảnh	
3	3	Lê Xuân	Hảo	18/10/1995	Chẩn đoán hình ảnh	
4	4	Nguyễn Thị	Hiền	01/06/1993	Chẩn đoán hình ảnh	
5	5	Bùi Thị Thanh	Hoa	05/01/1984	Chẩn đoán hình ảnh	
6	6	Lê Văn	Hòa	03/08/1992	Chẩn đoán hình ảnh	
7	7	Vương Thu	Hương	04/11/1994	Chẩn đoán hình ảnh	
8	8	Lê Thị Thanh	Mai	27/05/2000	Chẩn đoán hình ảnh	
9	9	Nguyễn Anh	Minh	31/12/1986	Chẩn đoán hình ảnh	
10	10	Nguyễn Thị	Tâm	05/09/1991	Chẩn đoán hình ảnh	
11	11	Triệu Quý	Tuấn	19/04/1991	Chẩn đoán hình ảnh	
12	12	Đàm Thanh	Từ	15/05/1987	Chẩn đoán hình ảnh	
13	13	Nguyễn Thanh	Thùy	01/09/1990	Chẩn đoán hình ảnh	
14	1	Lưu Thị	Ánh	08/07/1986	Dược lý - Dược lâm sàng	
15	2	Vi Thị	Giang	26/06/1992	Dược lý - Dược lâm sàng	
16	3	Thân Quang	Hảo	24/04/1986	Dược lý - Dược lâm sàng	
17	4	Lý Thái	Hiền	30/07/1993	Dược lý - Dược lâm sàng	
18	5	Trần Lê	Quyên	09/11/1990	Dược lý - Dược lâm sàng	
19	6	Ma Thị	Tuyết	29/04/1988	Dược lý - Dược lâm sàng	
20	7	Nguyễn Thị	Thu	07/03/1990	Dược lý - Dược lâm sàng	
21	1	Nguyễn Thị	An	25/10/1992	Điều dưỡng	
22	2	Nguyễn Thị Hoài	An	28/09/1980	Điều dưỡng	
23	3	Kim Thị Lan	Anh	08/09/1984	Điều dưỡng	
24	4	Lê Kim	Anh	12/12/1976	Điều dưỡng	
25	5	La Thị Ngọc	Anh	02/10/1982	Điều dưỡng	
26	6	Nguyễn Thị	Bích	20/04/1994	Điều dưỡng	
27	7	Nguyễn Thị	Biên	12/08/1976	Điều dưỡng	
28	8	Nguyễn	Bính	05/07/1987	Điều dưỡng	
29	9	Đặng Hồng	Châm	15/11/1984	Điều dưỡng	
30	10	Hoàng Ngọc Phương	Chinh	22/11/1995	Điều dưỡng	
31	11	Hoàng Văn	Chinh	30/12/1986	Điều dưỡng	
32	12	Nguyễn Thị Kim	Dung	26/12/1989	Điều dưỡng	
33	13	Phạm Khánh	Duyên	29/12/1980	Điều dưỡng	
34	14	Nguyễn Tiến	Đoàn	21/10/1981	Điều dưỡng	

Am

TT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
35	15	Trần Thị	Giang	21/05/1977	Điều dưỡng	
36	16	Hà Thị	Giang	10/02/1995	Điều dưỡng	
37	17	Lương Thị Thanh	Hà	12/11/1984	Điều dưỡng	
38	18	Nguyễn Thị Thuý	Hà	24/11/1983	Điều dưỡng	
39	19	Trần Thị Vân	Hà	25/10/1984	Điều dưỡng	
40	20	Quảng Văn	Hải	08/03/1994	Điều dưỡng	
41	21	Nguyễn Thị	Hải	07/07/1985	Điều dưỡng	
42	22	Trần Minh	Hải	24/11/1977	Điều dưỡng	
43	23	Doãn Đức	Hải	23/05/1980	Điều dưỡng	
44	24	Nguyễn Thị	Hào	20/10/1988	Điều dưỡng	
45	25	Lương Thị Thu	Hằng	29/08/1980	Điều dưỡng	
46	26	Đỗ Thị Thanh	Hằng	05/08/1991	Điều dưỡng	
47	27	Nguyễn Thị	Hằng	27/12/1992	Điều dưỡng	
48	28	Hoàng Thị	Hân	12/03/1981	Điều dưỡng	
49	29	Nguyễn Duy	Hậu	09/10/1982	Điều dưỡng	
50	30	Nguyễn Thị Thu	Hiền	30/06/1982	Điều dưỡng	
51	31	Nguyễn Thị	Hiền	15/09/1991	Điều dưỡng	
52	32	Nguyễn Thị	Hiền	26/05/1974	Điều dưỡng	
53	33	Nguyễn Tiến	Hiền	28/08/1987	Điều dưỡng	
54	34	Bùi Thị	Hoa	29/01/1980	Điều dưỡng	
55	35	Nguyễn Thị Mai	Hòa	27/07/1975	Điều dưỡng	
56	36	Mùi Thị Bích	Hòa	17/07/1980	Điều dưỡng	
57	37	Phan Thị Thanh	Hoàn	20/06/1981	Điều dưỡng	
58	38	Nguyễn Thị	Hồng	26/03/1984	Điều dưỡng	
59	39	Nguyễn Thị Hồng	Hội	12/03/1979	Điều dưỡng	
60	40	Nguyễn Minh	Huệ	28/11/1998	Điều dưỡng	
61	41	Đàm Văn	Hùng	25/11/1991	Điều dưỡng	
62	42	Lê Thị Thu	Huyền	06/12/1981	Điều dưỡng	
63	43	Trần Thị	Hương	15/04/1982	Điều dưỡng	
64	44	Mẫn Thị Thu	Hương	28/11/1975	Điều dưỡng	
65	45	Nguyễn Thị Thu	Hương	24/07/1988	Điều dưỡng	
66	46	Phúc Thị Lan	Hương	01/12/1983	Điều dưỡng	
67	47	Nguyễn Thị Lan	Hương	13/09/1979	Điều dưỡng	
68	48	Nguyễn Thị Hồng	Kiên	17/03/1980	Điều dưỡng	
69	49	Trần Văn	Khánh	26/10/1978	Điều dưỡng	
70	50	Nguyễn Thị	Lan	25/05/1985	Điều dưỡng	
71	51	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/02/1976	Điều dưỡng	
72	52	Phùng Thị Ngọc	Lan	30/09/1977	Điều dưỡng	
73	53	Phạm Thị	Lê	29/03/1988	Điều dưỡng	
74	54	Nguyễn Thị	Liên	08/08/1985	Điều dưỡng	
75	55	Nguyễn Thị	Liên	10/05/1987	Điều dưỡng	
76	56	Nguyễn Thị Diệu	Linh	26/08/1998	Điều dưỡng	
77	57	Doanh Thị	Linh	04/11/1982	Điều dưỡng	
78	58	Đặng Thị	Loan	08/05/1985	Điều dưỡng	

Amil

TT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
79	59	Mã Thành	Luân	17/09/1985	Điều dưỡng	
80	60	Phạm Văn	Lương	08/02/1983	Điều dưỡng	
81	61	Giáp Thị	Mai	08/10/1990	Điều dưỡng	
82	62	Vũ Thị Tuyết	Mai	06/10/1979	Điều dưỡng	
83	63	Nguyễn Thị	Mai	14/07/1982	Điều dưỡng	
84	64	Đỗ Thị	Minh	20/11/1987	Điều dưỡng	
85	65	Nguyễn Thị	Minh	23/05/1976	Điều dưỡng	
86	66	Nguyễn Thị Ánh	Minh	15/02/1991	Điều dưỡng	
87	67	Trần Thị	Mơ	20/06/1981	Điều dưỡng	
88	68	Phùng Thị	Nga	11/11/1984	Điều dưỡng	
89	69	Nguyễn Thanh	Nga	15/10/1984	Điều dưỡng	
90	70	Đỗ Thị Kim	Ngân	20/11/1990	Điều dưỡng	
91	71	Hoàng Hải	Ngọc	05/10/1985	Điều dưỡng	
92	72	Đồng Thị Bích	Nguyệt	25/01/1981	Điều dưỡng	
93	73	Trần Thị Hương	Nhài	01/04/1987	Điều dưỡng	
94	74	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	17/07/1985	Điều dưỡng	
95	75	Nguyễn Thị	Nhu	14/10/1985	Điều dưỡng	
96	76	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/04/1985	Điều dưỡng	
97	77	Nguyễn Thị	Oanh	10/07/1982	Điều dưỡng	
98	78	Trần Thị	Phương	05/11/1990	Điều dưỡng	
99	79	Hoàng Thị Thu	Phương	04/08/1984	Điều dưỡng	
100	80	Phạm Thị Minh	Phương	19/10/1984	Điều dưỡng	
101	81	Nguyễn Thị	Phương	25/08/1977	Điều dưỡng	
102	82	Phạm Thị	Phương	30/04/1991	Điều dưỡng	
103	83	Tạ Thị	Quang	13/10/1977	Điều dưỡng	
104	84	Nguyễn Thị	Quyên	02/02/1979	Điều dưỡng	
105	85	Viên Hồng	Sáng	08/05/1987	Điều dưỡng	
106	86	Phạm Văn	Sự	12/02/1978	Điều dưỡng	
107	87	Vũ Thị	Tắc	14/04/1987	Điều dưỡng	
108	88	Hoàng Thị Hồng	Tâm	03/10/1993	Điều dưỡng	
109	89	Phan Đức	Tính	27/02/1986	Điều dưỡng	
110	90	Trần Thị	Tuyển	19/05/1985	Điều dưỡng	
111	91	Chu Thị	Tuyển	27/10/1985	Điều dưỡng	
112	92	Dương Thị	Thái	20/10/1980	Điều dưỡng	
113	93	Đỗ Xuân	Thái	06/02/1995	Điều dưỡng	
114	94	Nguyễn Thị Phương	Thảo	15/12/1986	Điều dưỡng	
115	95	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16/09/1974	Điều dưỡng	
116	96	Trương Thị Phương	Thảo	30/06/1994	Điều dưỡng	
117	97	Nguyễn Thị	Thắm	28/07/1984	Điều dưỡng	
118	98	Nguyễn Hương	Thơm	28/05/1982	Điều dưỡng	
119	99	Nguyễn Thị	Thu	14/11/1986	Điều dưỡng	
120	100	Bùi Quang	Thuận	08/10/1988	Điều dưỡng	
121	101	Nguyễn Thị	Thủy	18/05/1986	Điều dưỡng	
122	102	Vũ Thị	Thủy	01/06/1982	Điều dưỡng	

Am

TT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
123	103	Nguyễn Thị	Thủy	20/11/1985	Điều dưỡng	
124	104	Nguyễn Thị	Thúy	11/06/1986	Điều dưỡng	
125	105	Đinh Diệu	Thúy	25/05/1982	Điều dưỡng	
126	106	Nguyễn Thị	Thuyền	06/07/1981	Điều dưỡng	
127	107	Nguyễn Ngọc	Thực	29/01/1984	Điều dưỡng	
128	108	Nguyễn Thị Như	Trang	30/09/1984	Điều dưỡng	
129	109	Lê Thị Kim	Trọng	18/12/1988	Điều dưỡng	
130	110	Nguyễn Thị	Vân	25/09/1984	Điều dưỡng	
131	111	Chu Văn	Việt	25/10/1989	Điều dưỡng	
132	112	Nguyễn Trọng	Việt	03/12/1977	Điều dưỡng	
133	113	Trần Thị	Vinh	21/02/1987	Điều dưỡng	
134	114	Đỗ Thị	Xâm	18/05/1985	Điều dưỡng	
135	115	Nguyễn Thị Kim	Yến	11/12/1991	Điều dưỡng	
136	116	Nguyễn Thị	Yến	24/03/1995	Điều dưỡng	
137	1	Nguyễn Văn	Giáp	03/09/1986	Gây mê hồi sức	
138	2	Hoàng Thu	Huyền	12/04/1993	Gây mê hồi sức	
139	3	Nguyễn Thị	Huyền	08/04/1990	Gây mê hồi sức	
140	4	Vũ Thị	Huyền	10/02/1989	Gây mê hồi sức	
141	5	Hồ Thị	Hường	09/04/1990	Gây mê hồi sức	
142	6	Nguyễn Chung	Kiên	20/08/1988	Gây mê hồi sức	
143	7	Cầm Ngọc	Minh	05/09/1997	Gây mê hồi sức	
144	8	Nguyễn Văn	Phóng	20/10/1993	Gây mê hồi sức	
145	9	Ngô Ngọc	Quyền	20/08/1993	Gây mê hồi sức	
146	1	Trần Xuân	Bách	15/10/1992	Nội khoa	
147	2	Đàm Thị	Biên	06/10/1990	Nội khoa	
148	3	Đỗ Việt	Đức	13/06/1987	Nội khoa	
149	4	Triệu Thị	Giang	15/01/1993	Nội khoa	
150	5	Nguyễn Thị	Huyền	04/11/1982	Nội khoa	
151	6	Phương Văn	Hường	10/04/1987	Nội khoa	
152	7	Phạm Ngọc	Lan	04/11/1997	Nội khoa	
153	8	Đặng Tiến	Lâm	20/10/1984	Nội khoa	
154	9	Đặng Quang	Lượng	18/02/1987	Nội khoa	
155	10	Trần Ngọc	Mỹ	01/06/1970	Nội khoa	
156	11	Hoàng Đình	Nguyên	12/06/1993	Nội khoa	
157	12	Bùi Thị Hồng	Nhung	29/11/1999	Nội khoa	
158	13	Đặng Văn	Sáng	09/04/1977	Nội khoa	
159	14	Hoàng Thị	Thùy	02/10/1989	Nội khoa	
160	15	Phùng Quốc	Việt	10/01/1990	Nội khoa	
161	16	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/10/1982	Nội khoa	
162	1	Lê Tiến	Đạt	10/08/1991	Ngoại khoa	
163	2	Triệu Sinh	Hiếu	26/06/1996	Ngoại khoa	
164	3	Lê Xuân	Hoan	29/08/1995	Ngoại khoa	
165	4	Vì Đức	Long	27/02/1989	Ngoại khoa	
166	5	Đỗ Khắc	Toàn	24/10/1990	Ngoại khoa	

TT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
167	6	Nguyễn Văn	Trọng	09/06/1989	Ngoại khoa	
168	1	Trần Thị	Bằng	24/02/1981	Nhân khoa	
169	2	Vũ Thị Mỹ	Duyên	11/03/1993	Nhân khoa	
170	3	Đào Anh	Đoàn	21/05/1985	Nhân khoa	
171	4	Nguyễn Văn	Đức	10/02/1988	Nhân khoa	
172	5	Dương Thị	Hiền	15/02/1998	Nhân khoa	
173	6	Doãn Ngọc	Khánh	08/02/1994	Nhân khoa	
174	7	Vũ Duy	Nam	23/02/1982	Nhân khoa	
175	8	Bùi Thị	Ngân	02/09/1998	Nhân khoa	
176	9	Phạm Yên	Son	12/02/1990	Nhân khoa	
177	10	Cam Thị Thủy	Tiên	06/05/1996	Nhân khoa	
178	11	Hà Anh	Tuấn	21/02/1987	Nhân khoa	
179	12	Nông Thị	Thom	15/08/1998	Nhân khoa	
180	13	Lý Vũ	Thủy	15/07/1996	Nhân khoa	
181	1	Trần Thị	Ánh	16/05/1992	Nhi khoa	
182	2	Trần Thu	Hương	29/11/1990	Nhi khoa	
183	3	Đặng Hải	Nam	15/12/1994	Nhi khoa	
184	4	Triệu Thị	Nhị	07/03/1994	Nhi khoa	
185	5	Nông Thị	Quỳnh	08/12/1989	Nhi khoa	
186	1	Nguyễn Quang	Duy	03/08/1994	Phục hồi chức năng	
187	2	Nguyễn Minh	Hoàng	03/05/2002	Phục hồi chức năng	
188	3	Tô Thị Việt	Hương	08/08/1991	Phục hồi chức năng	
189	4	Hồ Thị	Lan	10/01/1989	Phục hồi chức năng	
190	5	Cà Thanh	Mai	18/01/1987	Phục hồi chức năng	
191	6	Nguyễn Hoa	Ngân	08/04/1978	Phục hồi chức năng	
192	7	Lê Thị	Nhài	06/03/1997	Phục hồi chức năng	
193	8	Vũ Thị	Thảo	25/05/1981	Phục hồi chức năng	
194	9	Dương Thị Phương	Thảo	23/12/1998	Phục hồi chức năng	
195	10	Chu Công	Thủy	26/10/1999	Phục hồi chức năng	
196	11	Bàn Kiều	Trang	11/08/1993	Phục hồi chức năng	
197	12	Nguyễn Thành	Trung	14/03/1995	Phục hồi chức năng	
198	1	Phạm Thị Vân	Anh	05/10/2000	Răng hàm mặt	
199	2	Lê Đình	Bình	17/05/1983	Răng hàm mặt	
200	3	Lê Kim	Cường	22/09/1989	Răng hàm mặt	
201	4	Nguyễn Ngọc	Diễm	26/11/1992	Răng hàm mặt	
202	5	Nguyễn Trí	Dương	02/07/1971	Răng hàm mặt	
203	6	Nguyễn Thị Bích	Hà	01/11/1984	Răng hàm mặt	
204	7	Nguyễn Thị	Hằng	14/03/1992	Răng hàm mặt	
205	8	Vương Nhân	Hòa	28/03/1993	Răng hàm mặt	
206	9	Hoàng Xuân	Huy	21/05/1983	Răng hàm mặt	
207	10	Nguyễn Thị Hà	Linh	29/12/1994	Răng hàm mặt	
208	11	Lê Văn	Phong	10/06/1986	Răng hàm mặt	
209	12	Bùi Thị	Tiên	14/11/1995	Răng hàm mặt	
210	13	Nguyễn Thị	Tuyến	02/05/1994	Răng hàm mặt	

huy

TT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
211	14	Phan Minh	Thạch	10/05/1989	Răng hàm mặt	
212	15	Nguyễn Viết	Thanh	10/11/1975	Răng hàm mặt	
213	16	Nguyễn Thị	Thùy	24/12/1993	Răng hàm mặt	
214	17	Lê Thị	Trang	05/06/1997	Răng hàm mặt	
215	18	Bùi Minh	Trí	23/07/1993	Răng hàm mặt	
216	19	La Bá	Trình	10/02/1989	Răng hàm mặt	
217	1	Tạ Văn	Cường	07/10/1992	Sản phụ khoa	
218	2	Dương Việt	Cường	09/03/1991	Sản phụ khoa	
219	3	Nguyễn Thị	Chinh	15/03/1989	Sản phụ khoa	
220	4	Lãnh Thu	Diệu	19/05/1991	Sản phụ khoa	
221	5	Nguyễn Hồng	Dương	20/03/1994	Sản phụ khoa	
222	6	Lê Bích	Hậu	16/08/1998	Sản phụ khoa	
223	7	Ma Thị	Hoàn	28/12/1993	Sản phụ khoa	
224	8	Đặng Kim	Hoàng	20/11/1994	Sản phụ khoa	
225	9	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	05/04/1983	Sản phụ khoa	
226	10	Doãn Thanh	Hương	15/03/1990	Sản phụ khoa	
227	11	Khuất Thị	Hương	20/06/1988	Sản phụ khoa	
228	12	Nguyễn Thị	Hương	02/05/1995	Sản phụ khoa	
229	13	Nguyễn Đình	Quyết	24/11/1992	Sản phụ khoa	
230	14	Hồ Thị	Sa	10/11/1990	Sản phụ khoa	
231	15	Nguyễn Thị	Thương	23/08/1988	Sản phụ khoa	
232	16	Hoàng Thị	Vân	27/01/1991	Sản phụ khoa	
233	1	Lương Thị Kim	Cúc	07/12/1989	Tai mũi họng	
234	2	Ngô Viết	Đạt	19/07/1998	Tai mũi họng	
235	3	Nguyễn Lê Thọ	Giang	19/05/1997	Tai mũi họng	
236	4	Đào Trọng	Hải	16/09/1991	Tai mũi họng	
237	5	Nguyễn Đình	Huân	19/08/1990	Tai mũi họng	
238	6	Lý Văn	Hung	17/06/1996	Tai mũi họng	
239	7	Trương Thị	Là	12/02/1996	Tai mũi họng	
240	8	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	25/08/1998	Tai mũi họng	
241	9	Triệu Thị	Lý	16/09/1999	Tai mũi họng	
242	10	Lê Văn	Ninh	31/01/1992	Tai mũi họng	
243	11	Đoàn Văn	Ninh	04/02/1981	Tai mũi họng	
244	12	Vũ Duy	Tĩnh	20/05/1987	Tai mũi họng	
245	13	Trần Thị Phương	Thảo	22/10/1999	Tai mũi họng	
246	14	Nguyễn Xuân	Trường	28/02/1992	Tai mũi họng	
247	1	Lò Văn	Hải	15/05/1985	Tâm thần	
248	2	Nguyễn Thị	Hiền	21/03/1991	Tâm thần	
249	3	Lê Trung	Hòa	27/05/1994	Tâm thần	
250	4	Chu Thị Thu	Hương	05/02/1985	Tâm thần	
251	5	Hoàng Thị	Loan	15/03/1995	Tâm thần	
252	6	Vì Thị Ngọc	Mai	26/02/1990	Tâm thần	
253	7	Lò Văn	Minh	17/07/1992	Tâm thần	
254	8	Thào A	Mua	20/02/1990	Tâm thần	

ĐHM

TT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
255	9	Tòng Văn	Ốn	02/03/1982	Tâm thần	
256	10	Nịnh Thị	Phương	27/08/1987	Tâm thần	
257	11	Đào Danh	Tân	31/05/1972	Tâm thần	
258	12	Nguyễn Đình	Toàn	02/11/1987	Tâm thần	
259	13	Lường Thị	Ton	14/09/1978	Tâm thần	
260	14	Hoàng Xuân	Thái	18/04/1991	Tâm thần	
261	15	Vì Thị	Thoa	06/04/1990	Tâm thần	
262	16	Nguyễn Kiên	Trường	22/07/1981	Tâm thần	
263	1	Bùi Văn	Đông	16/08/1993	Ung thư	
264	2	Nguyễn Tiến	Đồng	02/12/1989	Ung thư	
265	3	Phạm Huy	Hoàng	21/08/2000	Ung thư	
266	4	Đào Mạnh	Phương	17/11/1989	Ung thư	
267	5	Triệu Văn	Tú	30/01/1989	Ung thư	
268	6	Lưu Quang	Thế	20/01/1997	Ung thư	
269	1	Nguyễn Thế	Bắc	04/10/1992	Xét nghiệm y học	
270	2	Nguyễn Tô Quỳnh	Châu	01/06/1997	Xét nghiệm y học	
271	3	Giáp Thị Kim	Chi	07/10/1994	Xét nghiệm y học	
272	4	Lê Văn	Chiến	06/03/1978	Xét nghiệm y học	
273	5	Phan Huy Khương	Duy	27/12/1987	Xét nghiệm y học	
274	6	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/09/1971	Xét nghiệm y học	
275	7	Nguyễn Thị Minh	Hải	03/11/1976	Xét nghiệm y học	
276	8	Nguyễn Quang	Hiếu	30/10/1983	Xét nghiệm y học	
277	9	Cư Seo	Hòa	15/07/1980	Xét nghiệm y học	
278	10	Triệu Thị Lan	Hương	25/11/1984	Xét nghiệm y học	
279	11	Ma Thị	Hường	22/04/1986	Xét nghiệm y học	
280	12	Chu Thị	Ly	28/05/1985	Xét nghiệm y học	
281	13	Lê Xuân	Quỳnh	05/01/1984	Xét nghiệm y học	
282	14	Hàng A	Sinh	04/06/1984	Xét nghiệm y học	
283	15	Nguyễn Hải	Thịnh	09/12/1989	Xét nghiệm y học	
284	16	Chu Thị Thu	Trang	16/09/1984	Xét nghiệm y học	
285	17	Lương Thu	Trang	04/11/1989	Xét nghiệm y học	
286	18	Dương Thảo	Uyên	11/12/1992	Xét nghiệm y học	
287	19	Đặng Thị	Vân	16/01/1997	Xét nghiệm y học	
288	1	Liêu Hoàng	Hà	25/11/1983	Y học cổ truyền	
289	2	Nguyễn Thị	Hương	07/03/1982	Y học cổ truyền	
290	3	Nguyễn Hồng Hải	Ly	27/04/1999	Y học cổ truyền	
291	4	Nguyễn Đăng	Quyết	20/04/1992	Y học cổ truyền	
292	5	Hoàng Đức	Tuấn	08/10/1993	Y học cổ truyền	
293	6	Vì Văn	Trung	25/09/1995	Y học cổ truyền	
294	1	Nguyễn Tuấn	Anh	04/01/1996	Y học gia đình	
295	2	Nguyễn Văn	Bình	10/09/1991	Y học gia đình	
296	3	Triệu Văn	Đại	07/09/1988	Y học gia đình	
297	4	Nguyễn Thị Châu	Hằng	26/08/1993	Y học gia đình	
298	5	Nông Thị	Hoan	17/06/1988	Y học gia đình	

TT	TTCN	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
299	6	Vũ Huy	Hoàng	13/09/1987	Y học gia đình	
300	7	Lê Văn	Hùng	08/07/1991	Y học gia đình	
301	8	Hạ Thị Thanh	Huyền	03/10/1994	Y học gia đình	
302	9	Nguyễn Thị Phong	Lan	20/03/1978	Y học gia đình	
303	10	Trịnh Thị	Lộc	10/12/1996	Y học gia đình	
304	11	Đỗ Hồng	Lữ	26/08/1993	Y học gia đình	
305	12	Lê Thị	Lý	15/03/1983	Y học gia đình	
306	13	Nguyễn Thị	Nga	27/05/1990	Y học gia đình	
307	14	Trần Mạnh	Quyền	09/03/1990	Y học gia đình	
308	15	Nguyễn Hương	Quỳnh	25/05/1990	Y học gia đình	
309	16	Trần Thị Phương	Thanh	12/10/1982	Y học gia đình	
310	17	Nguyễn Thị	Thao	08/11/1991	Y học gia đình	
311	18	Nguyễn Thị Thanh	Thế	04/01/1976	Y học gia đình	
312	1	Trịnh Thị	Đức	15/08/1992	Y tế công cộng	
313	2	Phan Duy	Long	04/10/1991	Y tế công cộng	

Ấn định danh sách: 313 học viên./.

(Signature)